TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày 29 – 7 – 2024.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Võ Tuyết Kha

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng T, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L. Địa chỉ: Số 44L, đường C, Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (*có đơn xin vắng mặt*)

Bị đơn: Bà Ngũ Kim T1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, ông Trần Hoàng T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, bà Ngũ Kim T1 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh H – Phòng giao dịch L bao

gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức cấp thẻ tín dụng 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 31,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Ngũ Kim T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.802.589 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là các khoản phí, lãi trước, giao dịch sau. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Ngũ Kim T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Ngũ Kim T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng), ngày 15/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu bà Ngũ Kim T1 thanh toán tiền vay tính đến hết ngày 15/12/2023 là 46.537.757 đồng (trong đó nợ gốc 34.742.389 đồng, nợ lãi 11.795.368 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2023 cho đến khi tất toán các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Đến ngày 22/7/2024, Ngân hàng có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà Ngũ Kim T1 có nghĩa vụ thanh toán tiền vay tính đến ngày 15/12/2023 là 46.537.757 đồng (trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng, nợ lãi 17.537.757 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2023 cho đến khi tất toán các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn bà Ngũ Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bà Ngũ Kim T1, buộc bà Ngũ Kim T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 29.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/7/2024 là 27.459.157 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 56.459.157 đồng, và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Về án phí: Bà T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 11 tháng 3 năm 2024 Ngân hàng Thương mại Cổ phần T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Ngũ Kim T1 thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng. Khi khởi kiện bà Ngũ Kim T1 có địa chỉ tại ấp P, thị trấn P, huyện P,

tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngũ Kim T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Ngũ Kim T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng yêu cầu bà Ngũ Kim T1 thanh toán tiền vay tính đến hết ngày 15/12/2023 là 46.537.757 đồng (trong đó nợ gốc 34.742.389 đồng, nợ lãi 11.795.368 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2023 cho đến khi tất toán các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Đến ngày 22/7/2024, Ngân hàng có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà Ngũ Kim T1 có nghĩa vụ thanh toán tiền vay tính đến ngày 15/12/2023 là 46.537.757 đồng (trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng, nợ lãi 17.537.757 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2023 cho đến khi tất toán các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Xét thấy, việc Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, do đó căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, tại Điều 18 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ quy định: Chủ thẻ đồng ý đã nhận được thẻ khi thẻ đã có phát sinh giao dịch. Chủ thẻ thanh toán tất cả dư nợ cho đến khi thanh toán đầy đủ trong tất cả các trường hợp, bao gồm cả trường hợp gia hạn thẻ, thay thế thẻ, chấm dứt sử dụng thẻ,….cho Sacombank mà không cần có bằng chứng, hóa đơn được ký hay chứng từ khác; tại Điều 19 quy định về thời hạn thanh toán: Chủ thẻ phải thanh toán cho Sacombank số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo; tại Điều 20 quy định về số tiền thanh toán: Số tiền tối thiểu là tổng, tùy theo số nào lớn hơn giữa số tiền đến hạn, không kể bất kỳ số tiền vượt quá hạn mức nào, nhân với một tỷ lệ phần trăm được xác định trước và số tiền tối thiểu được áp dụng cho chủ thẻ do Sacombank quy định, bất kỳ số tiền vượt quá hạn mức nào không kể bất kỳ số tiền vượt hạn mức nào đã bao gồm trong số tiền tối thiểu từ thông báo kỳ trước và bất kỳ khoản chưa thanh toán nào của số tiền tối thiểu từ thông báo kỳ trước; tại Điều 21 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán: Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự là các khoản phí, lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí, lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ, tại Điều 23 quy định về vi phạm: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành

thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2021 bà Ngũ Kim T1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T - Chi nhánh H – Phòng giao dịch L, Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ cho bà T1 với hạn mức thẻ tín dụng 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 2.6%/tháng. Số tiền giao dịch mà bà T1 đã sử dụng thẻ để giao dịch rút tiền là 29.000.000 đồng (số tiền gốc) và tổng số tiền 15.802.589 đồng bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng trong thời gian sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt hoạt thẻ cho đến khi bà T1 thanh toán lần cuối ngày 15/3/2023. Khi thực hiện hợp đồng, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu bà T1 thanh toán các khoản nợ quá hạn. Tuy nhiên, bà T1 vẫn chưa thanh toán các khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 trả nợ gốc số tiền 29.000.000 đồng. Xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để thông báo cho bà T1 biết về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 trả khoản tiền nêu trên. Tuy nhiên, bà T1 không có ý kiến phản hồi việc Ngân hàng yêu cầu trả nợ. Mặc khác, tại các biên bản làm việc giữa bà T1 và Ngân hàng, bà T1 thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[4] Về nợ lãi quá hạn: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 23 quy định về cách tính lãi: Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Thẻ; lãi suất được tính như sau đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt thì lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút; việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Điều 21, đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ; tại Điều 24 quy định về vi phạm: Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động, tạm ngưng hoặc chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank. Đối chiếu Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của bà T1, thể hiện bà T1 thanh toán cho Ngân hàng không đúng như thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Vì vậy, đến ngày 15/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà T1 và chuyển số nợ gốc 29.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Ngày 15/3/2023 bà T1 có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng lần cuối và

ngưng thanh toán cho Ngân hàng đến nay. Do đó, việc Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà T1 do bà T1 đã không thanh toán và chuyển số nợ gốc 29.000.000 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật và những căn cứ đã diễn dẫn nêu trên, là có cơ sở chấp nhận. Áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền lãi quá hạn của bà T1 phải thanh toán tính đến ngày 29/7/2024 là 27.459.157 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Ngũ Kim T1 trả số tiền tính đến ngày 29/7/2023 là 56.459.157 đồng (trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng, nợ lãi 27.459.157 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm dân sự bà T1 phải chịu 5% của số tiền 56.459.157 đồng do được Tòa án chấp nhận là 2.822.958 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã nộp số tiền 1.160.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006752 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được hoàn lại.

[6] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bà Ngũ Kim T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Ngũ Kim T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền gốc, lãi tính đến ngày 29/7/2024 là 56.459.157 đồng (trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng, nợ lãi 27.459.157 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1757235 ngày 21/6/2021 mà các bên đã ký kết cho đến khi bà Ngũ Kim T1 trả xong nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngũ Kim T1 phải chịu số tiền 2.822.958 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã nộp số tiền 1.160.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006752 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Đào